

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HS-ST

Ngày: 21/4/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thu Hà.

Ông Lê Tấn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phấn Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Châu Thị H (bị cáo khai tên gọi khác: Bảy Mập, Huỳnh Mỹ H1); Sinh ngày: 21/9/1959; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 254/1/2 đường VV, Phường D, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 270/1/7 đường LDC, khu phố E, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ (bị cáo khai cha tên là Đàm T - đã chết) và bà: Châu Liên N (chết); Có chồng: Là ông Trương Bảo H1 (chết) và con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại.

Tiền án:

- Ngày 29/4/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có» (Bản án số: 611/HSST). Bị cáo kháng cáo và ngày 26/8/1996, Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số: 1197/HSPT).

- Ngày 15/5/1997, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân» và 02 năm tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có». Tổng hợp hình phạt của

Bản án này với hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án số: 611/HSST ngày 29/4/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù (Bản án số: 782/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/6/2000 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 567/GCN của Trại giam Thủ Đức).

Không có thông tin về việc thi hành án dân sự của Châu Thị H đối với các Bản án số: 611/HSST ngày 29/4/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; số: 1197/HSPT ngày 26/8/1996 của Tòa phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và số: 782/HSST ngày 15/5/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Công văn trả lời xác minh số: 11175/CTHADS-VP ngày 30/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 17/3/2006, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» (Bản án số: 15/2006/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/2008 (Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số: 971/GCN của Trại giam Thủ Đức). Chưa thi hành xong án phí, nộp phạt theo Quyết định thi hành án số: 549/QĐ-THÂNCD.THA ngày 12/6/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 (Công văn trả lời xác minh số: 175/CCTHADS-VP ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nhân thân: Ngày 19/9/1985, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Lừa đảo để chiếm đoạt tài sản riêng công dân» (Bản án số: 136/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/1987 (Giấy thân phạm nhân hết hạn tù số: 243/GRT-PC.25 của Giám đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Đã thi hành xong án phí (Công văn trả lời xác minh số: 174/CCTHADS-VP ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Châu Thị H:*

Bà Trương Thị Thu T1 - Luật sư Văn phòng Luật sư NTD thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

- *Bị hại:*

Bà Trần Mỹ L; Sinh năm: 1992; Thường trú: 32/14 đường HVC, phường PT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 144/4 tổ D, khu phố A, phường HT, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Minh Ph (Phón); Sinh năm: 1988; Thường trú: 20 đường LQS, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2 Bà Trương Thùy N1; Sinh năm: 1992; Thường trú: 168/16/5 đường PPT, Phường D, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: 270/1/7 đường LDC, khu phố E, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

3. Bà Nìm Ngọc T1; Sinh năm: 1957; Trú tại: 20 đường LQS, Phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 14/8/2023, Trần Mỹ L đến gặp Trần Minh Ph (bạn của L) tại nhà số 20 đường LQS, Phường F, Quận F để nhờ Ph tìm người giúp L làm thủ tục bảo lãnh cho Bùi Qui Nh (chồng của L) không bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc, Ph đồng ý và nhờ Trương Thùy N1 tìm người giúp L. Sau đó, N kể lại cho Châu Thị H (mẹ của N1) nghe. Mặc dù không quen biết ai, nhưng H vẫn nói có quen với một số người có thể lo giúp làm thủ tục bảo lãnh cho chồng của L không bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc với số tiền khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, nhưng yêu cầu L phải đưa trước 10.000.000 đồng. Nghe vậy, N1 gọi cho L và hẹn gặp giao tiền tại khu vực chợ PL, Phường N, Quận F.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, L đi cùng một người bạn tên A (không rõ lai lịch) đến khu vực trước nhà số 95 đường BH, Phường N, Quận F gặp và đưa cho H 10.000.000 đồng. Sau đó, H gọi điện thoại yêu cầu L đưa thêm 20.000.000 đồng để nhờ người giúp hoàn tất thủ tục bảo lãnh cho chồng của L được thân về và hẹn gặp L tại Cơ sở xã hội NX vào ngày 18/8/2023. Tuy nhiên, đến hẹn H không đến mà gọi nói sẽ gặp tại nhà của L, địa chỉ 144/4, tổ 4, khu phố 1, phường HT, Quận M.

Khoảng 14 giờ ngày 23/8/2023, H đến nhà của L thì gặp L và bạn của L là Huỳnh Nguyễn Hoàng S. Sau một hồi trao đổi, H đồng ý ký tên, điểm chỉ vào Giấy xác nhận việc H có nhận của L 10.000.000 đồng vào ngày 14/8/2023, nhưng H ghi tên giả là Huỳnh Mỹ H1 (Giấy xác nhận do L viết và L viết nhầm ngày 14/8/2023 thành ngày 15/8/2023). Lúc này, L hỏi H thủ tục xin bảo lãnh cho chồng để ký hợp đồng, nhưng H chỉ hẹn sẽ đến gặp L để lấy số tiền còn lại vào lúc 16 giờ cùng ngày, sau khi chồng L được thân về. Đến 16 giờ, không thấy chồng được thân về như lời H đã hứa mà có một người đàn ông (không rõ lai lịch) gọi cho L nói «chiều nay chồng em sẽ về», L liền gọi cho H, nhưng không liên lạc được. Nghĩ bị lừa, nên L đến Công an Phường 6, Quận 6 trình báo.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 triệu tập Châu Thị H lên trụ sở làm việc. Qua đấu tranh, H khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên và khai sau khi nhận 10.000.000 đồng từ Trần Mỹ L, H đã đưa cho Trương Thùy N1 1.000.000 đồng để gửi cho Trần Minh Ph, số tiền còn lại H cất giữ tiêu xài cá

nhân. Ngoài ra, H còn khai ngày 23/8/2023, H có nhờ một người tên N2 (không rõ lai lịch) gọi cho L nói «chiều nay chồng em sẽ về», mục đích là để xem thái độ của L như thế nào.

Cơ quan điều tra tiến hành cho bà Trần Mỹ L nhận dạng người qua hình ảnh và bà L xác định Châu Thị H chính là người đã nhận 10.000.000 đồng của bà vào lúc 18 giờ ngày 14/8/2023 tại trước nhà số 95 đường BH, Phường N, Quận F.

Quá trình điều tra, bà Nìm Ngọc T1 (mẹ của Trần Minh Ph) đã giao nộp số tiền 1.000.000 đồng cho Cơ quan điều tra Công an Quận 6.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định dấu vân tay trên Giấy xác nhận đứng tên Bên A: Trần Mỹ L và Bên B: Huỳnh Mỹ H1, đề ngày 15/8/2023 (ký hiệu A) với dấu vân tay trên 03 Chỉ bản không số cùng mang tên Châu Thị H (ký hiệu M1, M2, M3) có phải là dấu vân tay của cùng một người hay không (Quyết định số: 599/QĐ-ĐCSHS).

Tại Kết luận giám định số: 11956/KL-KTHS ngày 01 tháng 11 năm 2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

1. Dấu vân tay bên trái dưới mục «bên Bà B» trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay ngón cái trái trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh (ký hiệu từ M1, M2, M3) là dấu vân tay của cùng một người.

2. Dấu vân tay dưới mục «bên B», dấu vân tay bên phải dưới mục «bên Bà B» trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) không đủ yếu tố giám định.

Ngày 28 tháng 10 năm 2023, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 173/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Châu Thị H về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» (Quyết định số: 173/QĐ-ĐCSHS).

Tại Cáo trạng số: 03/CT-VKS-Q6 ngày 15 tháng 01 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Châu Thị H về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trương Thùy N1 khai: Khoảng 14 giờ ngày 14/8/2023, sau khi nghe Trần Minh Ph gọi hỏi có quen biết ai lo giúp làm thủ tục bảo lãnh cho chồng của bà Trần Mỹ L (bạn của Ph) không bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc không, bà có kể lại cho bị cáo Châu Thị H (mẹ bà N1) nghe thì bị cáo nói lo được với số tiền khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, nhưng phải đưa trước 10.000.000 đồng. Nghĩ bị cáo có quen biết và có thể giúp được, nên bà gọi điện nói với bà L và hẹn bà L gặp giao tiền cho bị cáo tại khu vực chợ P, Phường N, Quận F như nội dung bản cáo trạng nêu. Còn sự việc sau đó như thế nào, bà N hoàn toàn không biết và cũng không có hưởng lợi gì từ bị cáo hay bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Châu Thị H như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi

phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Châu Thị H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» theo điểm d khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Đã thỏa thuận bồi thường xong, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000 đồng.

Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến việc Châu Thị H chiếm đoạt tài sản ngày 14/8/2023) do bà Trần Mỹ L cung cấp đã được niêm phong, (BL207), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Người bào chữa cho bị cáo Châu Thị H đồng ý với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Và sau khi phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, về nhân thân (bị cáo có trình độ văn hóa thấp, nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn; bản thân bị cáo đã lớn tuổi, có nhiều bệnh cần được điều trị; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn), người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo mức án dưới mức đề nghị thấp nhất của Viện kiểm sát nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có thời gian chữa bệnh.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đồng ý áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Châu Thị H. Tuy nhiên, đại diện Viện kiểm sát vẫn bảo lưu lời luận tội và mức hình phạt đối với bị cáo; người bào chữa bảo lưu lời bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quy định chung về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

[2.1] Ngày 15/4/2025, bị cáo Châu Thị H có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe. Xét đề nghị này của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái quy định pháp luật và sự vắng mặt của bị cáo cũng không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2.2] Tại phiên tòa, bị hại Trần Mỹ L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ngoài bà Trương Thùy N1) vắng mặt. Tuy nhiên, xét thấy sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng, không gây trở ngại gì đến việc giải quyết vụ án. Mặt khác, những người này cũng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Đối chiếu lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trương Thùy N1 tại phiên tòa với lời khai của bị cáo Châu Thị H, của bị hại Trần Mỹ L, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Minh Ph và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra; với Kết luận giám định số: 11956/KL-KTHS ngày 01/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Châu Thị H đã phạm tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Biết bà Trần Mỹ L đang muốn tìm người để lo cho chồng của bà là ông Bùi Qui Nh không bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc, bị cáo Châu Thị H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà L bằng cách giả vờ nói có quen biết một số người có thể lo giúp làm thủ tục bảo lãnh cho chồng của L không bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc với số tiền khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, nhưng phải đưa trước 10.000.000 đồng. Tin thật, khoảng 18 giờ ngày 14/8/2023 bà L đến điểm hẹn tại khu vực trước nhà số 95 đường BH, Phường N, Quận F gặp và đưa cho bị cáo 10.000.000 đồng, bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này của bà L. Hành vi của bị cáo Châu Thị H không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an xã hội. Mặt khác, bị cáo đã 03 lần bị kết án (trong đó có 02 lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản), cụ thể: Ngày 29/4/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có»; ngày 15/5/1997, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân» và 02 năm tù về tội «Tiêu thụ tài sản do người

khác phạm tội mà có» (tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 01 năm 06 tháng tù của bản án ngày 29/4/1996 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 06 năm tù); ngày 17/3/2006, bị Tòa án nhân dân Quận 11 xử phạt 03 năm tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là «tái phạm». Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của các bản án trên, nhưng chưa được xóa án tích, bởi bị cáo chưa thi hành xong án phí, nộp phạt của bản án ngày 17/3/2006 theo Quyết định thi hành án số: 549/QĐ-THACĐ.THA ngày 12/6/2006 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 (Bộ luật hình sự không quy định trường hợp loại trừ việc người bị kết án chưa chấp hành hình phạt bổ sung và các quyết định khác của bản án với bất kỳ lý do gì). Nay, bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là «tái phạm nguy hiểm». Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản» thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Bị cáo Châu Thị H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo hoàn toàn nhận thức rõ được hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Châu Thị H đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét bị cáo đã bồi thường thiệt hại nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; tại Cơ quan điều tra có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người cao tuổi (trên 60 tuổi), đang mắc nhiều bệnh cần được điều trị thường xuyên, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận một phần quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát và một phần lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Châu Thị H tại phiên tòa.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo Châu Thị H còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cho thấy bị cáo không có việc làm, không có thu nhập, điều kiện

kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Sau sự việc xảy ra, bị cáo Châu Thị H đã thỏa thuận bồi thường cho bà Trần Mỹ L số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra bà L xác nhận đã nhận đủ tiền (bút lục 13), do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Việc xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với 1.000.000 đồng (do bà Nìm Ngọc T1 giao nộp), là tiền bị cáo Châu Thị H có được từ việc phạm tội, nhưng xét quá trình điều tra bị cáo đã sử dụng tiền của bị cáo để bồi thường cho bị hại Trần Mỹ L, do đó Hội đồng xét xử trả số tiền này lại cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Giấy nộp tiền ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 285)

[8.2] Đối với 01 USB (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh liên quan đến việc Châu Thị H chiếm đoạt tài sản ngày 14/8/2023) do bà Trần Mỹ L cung cấp đã được niêm phong, (BL207), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[9] Đối với bà Trần Mỹ L, là người có hành vi đưa 10.000.000 đồng cho bị cáo Châu Thị H với ý thức và mong muốn là nhờ bị cáo tác động người có thẩm quyền thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm mục đích lo thủ tục bảo lãnh cho chồng của bà là ông Bùi Qui Nh không bị đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Quận 6 đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra, làm rõ hành vi của bà L và các cá nhân có liên quan đến việc đưa tiền cho bị cáo cũng như hành vi của bà Trương Thùy N1, ông Trần Minh Ph có liên quan đến việc nhận số tiền 1.000.000 đồng từ bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật nếu có vi phạm. Quá trình điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 xác định không đủ căn cứ để xử lý bà L về hành vi «Đưa hối lộ», bởi sau khi biết bị lừa, bà L đã chủ động khai báo và tố giác Châu Thị H với Cơ quan điều tra, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xử lý. Tuy nhiên, như đã nêu trên, số tiền 10.000.000 đồng mà bà L đưa cho bị cáo với ý thức và mong muốn là nhờ bị cáo tác động người có thẩm quyền thực hiện hành vi trái pháp luật nhằm mục đích có lợi cho người thân của bà, nên Hội đồng xét xử buộc bà L nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9.1] Đối với các ông, bà Trương Thùy N1, Trần Minh Ph, Viện kiểm sát xác định các ông bà này biết rõ số tiền 1.000.000 đồng mà các ông, bà nhận từ bị cáo Châu Thị H là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: Bị cáo Châu Thị H được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (do bị cáo là người cao tuổi và bị cáo có đơn đề nghị được miễn án phí - bút lục 232).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Châu Thị H** (Bảy Mập, Huỳnh Mỹ H1) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội «Lừa đảo chiếm đoạt tài sản». Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bà Trần Mỹ L nộp lại 10.000.000 (mười triệu) đồng, để sung vào ngA sách nhà nước.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Châu Thị H 1.000.000 (một triệu) đồng.

(theo Giấy nộp tiền ngày 23 tháng 12 năm 2024 của NgA hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Bắc Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 285)

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Châu Thị H được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trương Thùy N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị cáo Châu Thị H; bị hại Trần Mỹ L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Tổ địa bàn 6);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THÂND S Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNV LQ đến vụ án.

Nguyễn Thị Thùy Liên